

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/11/2021		•	
Tuần 22/11-26/11/2021		•	
Tháng 11/2021			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay trải qua một phiên điều chỉnh mạnh. Sau khi vượt mốc 1482 điểm không thành công, VN-Index giảm mạnh 47 điểm trước khi đóng cửa giảm hơn 1% so với hôm qua. Trong phiên hôm nay, Ngân hàng là ngành duy nhất giữ được sắc xanh. Ở chiều ngược lại, trong 17/19 ngành giảm điểm, Dầu khí và Điện nước & xăng dầu khí đốt có mức giảm mạnh nhất hơn 4%. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với số mã giảm gấp đôi số mã tăng. Phiên điều chỉnh mạnh hôm nay đang khiến thị trường kiểm tra lại vùng hỗ trợ ngắn hạn 1450-1460 điểm. Xu hướng vận động của thị trường sẽ phụ thuộc khá lớn vào việc VN-Index có thể duy trì tại vùng điểm 1450-1460 điểm vào tuần sau hay không. Nếu có, thị trường sẽ nhanh chóng hồi phục trở về vùng 1470-1480 điểm. Nếu không, VN-Index sẽ điều chỉnh về hướng hỗ trợ 1440 điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều điều chỉnh nhẹ theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể canh mua các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/11/2021, các chứng quyền điều chỉnh khi theo nhịp giảm điểm của thị trường. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: CSM_Tăng giá (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-17.48** điểm, đóng cửa **1,452.35** điểm. HNX-Index **-14.75** điểm, đóng cửa **453.97** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HDB (+1.08)**, **VPB (+0.95)**, **CTG (+0.83)**, **TCB (+.74)**, **ACB (+0.69)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-3.62)**, **VHM (-2.54)**, **HPG (-2.18)**, **GVR (-2.12)**, **VNM (-1.01)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **43,226** tỷ đồng, tăng **31%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 44,588 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 47 điểm. Thị trường có **124** mã tăng, 36 mã tham chiếu và **346** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-804.91** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-283.29 tỷ)**, **VPB (-179.17 tỷ)**, **VNM (-106.86 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-5.95** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1452.35**
Giá trị: 43226.16 tỷ **-17.48 (-1.19%)**
Khối ngoại (ròng): -804.91 tỷ

HNX-INDEX **453.97**
Giá trị: 6379.57 tỷ **-14.76 (-3.15%)**
Khối ngoại (ròng): -5.95 tỷ

UPCOM-INDEX **113.24**
Giá trị: 4800 tỷ **-0.28 (-0.25%)**
Khối ngoại(ròng): 31.59 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	79.4	0.44%
Giá vàng	1,860	0.05%
Tỷ giá USD/VND	22,650	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,613	-0.58%
Tỷ giá JPY/VND	19,809	-0.12%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	12.37%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-8.82%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	104.2	HPG	-283.3
VRE	74.5	VPB	-179.2
GAS	59.6	VNM	-106.9
DGW	57.3	HSG	-54.8
MSH	35.9	HDB	-51.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
CSM_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng quá mua, xu hướng tăng.

Nhận định: CSM đang hình thành xu hướng tăng giá mạnh từ ngưỡng tích lũy 18.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tăng giá trong khi chỉ báo RSI cho thấy tín hiệu điều chỉnh nhẹ 1 đến 2 phiên. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và MA50, cho thấy tín hiệu vận động tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 22.4, chốt lãi tại ngưỡng 26.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 21.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

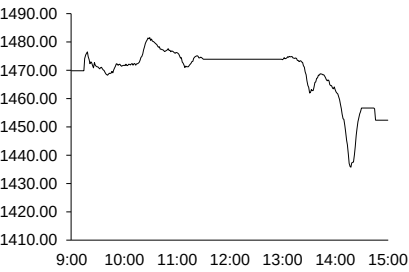
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	1.38%
Viễn thông	0.00%
Y tế	-0.37%
Bán lẻ	-0.38%
Công nghệ Thông tin	-0.56%
Ô tô và phụ tùng	-0.61%
Thực phẩm và đồ uống	-0.89%
Truyền thông	-0.96%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.99%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.44%
Bất động sản	-1.61%
Dịch vụ tài chính	-1.96%
Xây dựng và Vật liệu	-2.08%
Du lịch và Giải trí	-2.34%
Tài nguyên Cơ bản	-2.83%
Bảo hiểm	-3.88%
Hóa chất	-3.98%
Dầu khí	-4.62%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.89%

Hình 1

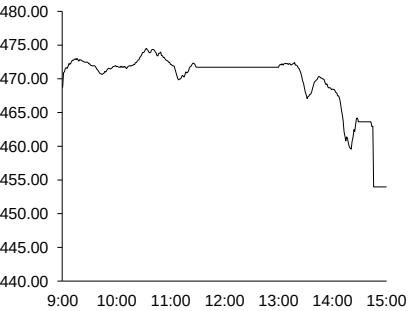
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/18/2021	PAN	40	46	37	40	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
11/17/2021	TCM	80.4	95	77.2	79.9	2	-0.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/16/2021	NTP	62.8	72.1	59.5	63.5	3	1.11%	Có thể tiếp tục mua
11/15/2021	MWG	139.4	154.5	132	139	4	-0.29%	Có thể tiếp tục mua
11/14/2021	TIP	52.2	60.5	50.8	51	5	-2.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/11/2021	VCG	44.25	49.5	42	49.25	8	11.30%	Cân nhắc không mua thêm (**)
11/10/2021	HT1	25.5	29.3	23	26.5	9	3.92%	Có thể tiếp tục mua
11/8/2021	HAX	25.65	31.5	24.5	28.65	11	11.70%	Có thể tiếp tục mua
11/4/2021	ANV	36.55	42.25	34.3	36	15	-1.50%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/3/2021	KDC	59.8	66.5	54.5	58	16	-3.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/2/2021	SJS	69.4	77.5	64.5	76.1	17	9.65%	Cân nhắc không mua thêm (**)
10/29/2021	CSV	51.1	63	48	53.7	21	5.09%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/28/2021	PHC	16.5	19.5	14.5	18.75	22	13.64%	Có thể tiếp tục mua
10/25/2021	BVH	64.5	72.5	60	64.2	25	-0.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/4/2021	GVR	37.1	44.5	36	39.85	46	7.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

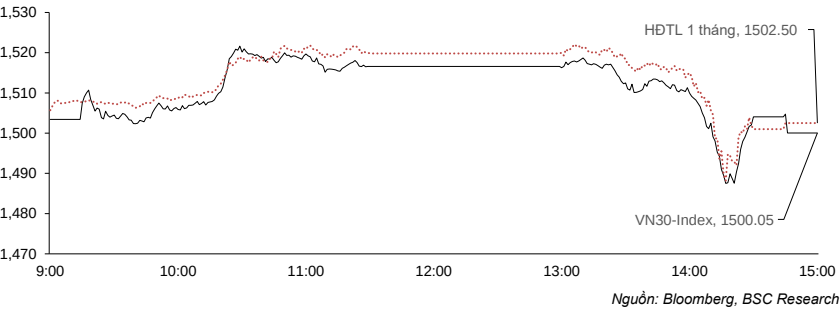
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/9/2021	CTI	19.3	22.3	17.5	TP	6	15.54%
11/5/2021	NTC	179.7	200	170	TP	12	11.30%
11/1/2021	SSI	41.4	49.05	40	TP	18	18.48%
10/27/2021	FRT	51.1	58.3	48	TP	15	14.09%
10/26/2021	DBC	60.9	69.4	58.5	TP	16	13.96%
10/22/2021	C4G	12.5	15	11.3	TP	17	20.00%
10/20/2021	PHR	56.2	68.3	52.2	TP	16	21.53%
10/19/2021	MBG	11.5	14.3	10.5	TP	9	24.35%
10/18/2021	SD9	10.3	13.3	9	TP	4	29.13%
10/15/2021	TDT	14.6	17.3	13.5	TP	12	18.49%
10/14/2021	HVH	10.2	12.1	9.8	TP	27	18.63%
10/13/2021	VNP	22.5	25.6	21.5	TP	14	13.78%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	6	7.09%	-1.36%	3.71%	14
Cổ phiếu đã chốt	216	131	14.38%	-7.79%	6.01%	25

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1502.50	-0.43%	2.45	890.5%	158,128	12/16/2021	27
VN30F2201	1499.10		-0.95		384	1/20/2022	62
VN30F2203	1500.00	-0.42%	-0.05	304.3%	186	3/17/2022	118
VN30F2206	1495.40	-0.51%	-4.65	-4.1%	93	6/16/2022	209

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 giảm 3.37 điểm xuống 1500.05 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VHM, VNM, FPT, GAS tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Chỉ số VN30 sẽ kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 1500 điểm trong các phiên giao dịch tới và có khả năng sẽ duy trì nhịp vận động trong vùng 1500-1530 điểm vào tuần sau.

• Các HDTL đều điều chỉnh nhẹ theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HDTL VN30F2206 giảm, các HDTL khác đều tăng. Xét về vị thế mở, các HDTL đều tăng. Số lượng giao dịch và hợp đồng mở mới tăng trong khi giá các HDTL có mức giảm điểm nhẹ cho thấy thị trường đang đạt trạng thái khá cân bằng. Các nhà đầu tư có thể canh mua các HDTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2103	4/27/2022	159	8:1	844,100	32.97%	1,000	900	25.00%	303	2.97	55,608	28,888	30,200
CTCB2107	12/27/2021	38	7:1	180,400	33.93%	1,850	1,510	2.72%	700	2.16	64,790	47,500	52,300
CMWG2104	3/22/2022	123	10:1	198,800	31.65%	2,400	7,990	0.63%	10	831.43	141,700	135,000	139,000
CMBB2104	1/19/2022	61	2:1	393,500	31.78%	2,900	830	0.00%	201	4.13	39,360	32,000	28,300
CSTB2109	3/7/2022	108	2:1	714,200	40.05%	2,300	1,730	0.00%	998	1.73	35,200	29,000	27,900
CTCB2105	5/4/2022	166	5:1	392,500	33.93%	3,600	3,320	-0.90%	1,811	1.83	51,000	45,000	52,300
CPNJ2107	2/10/2022	83	5:1	13,300	28.58%	2,500	1,510	-2.58%	925	1.63	146,900	110,000	102,300
CSTB2105	1/10/2022	52	1:1	83,100	40.05%	4,000	1,770	-3.28%	864	2.05	33,750	30,000	27,900
CTCB2110	2/4/2022	77	7:1	303,200	33.93%	1,500	1,090	-3.54%	358	3.04	64,150	54,000	52,300
CVIC2104	1/7/2022	49	10:1	59,200	27.45%	2,000	530	-5.36%	1	375.89	140,600	124,000	94,800
CMWG2107	1/6/2022	48	5:1	222,600	31.65%	6,600	9,070	-7.45%	3,714	2.44	187,000	165,000	139,000
CFPT2105	1/6/2022	48	4.95:1	1,438,100	25.93%	3,500	2,930	-8.44%	2,473	1.18	100,935	86,000	95,300
CKDH2104	1/19/2022	61	2:1	558,500	30.11%	3,500	2,830	-9.00%	2,372	1.19	50,440	44,000	45,900
CPNJ2104	1/7/2022	49	5:1	371,200	28.58%	2,400	1,040	-10.34%	2,491	0.42	127,000	110,000	102,300
CVRE2107	12/2/2021	13	4:1	794,200	33.14%	1,200	150	-11.76%	790	0.19	41,679	33,179	30,500
CHPG2114	4/27/2022	159	10:1	748,500	33.92%	1,200	800	-13.98%	240	3.34	79,789	56,789	48,000
CVNM2106	1/13/2022	55	10:1	112,900	20.65%	4,000	540	-14.29%	29	18.39	120,450	100,000	86,100
CVNM2109	1/6/2022	48	9.83:1	549,200	20.65%	2,150	840	-18.45%	206	4.09	105,450	95,000	86,100
CKDH2106	2/10/2022	83	1:1	54,800	30.11%	2,500	3,450	-19.39%	2,334	1.48	50,980	49,000	45,900
CVIC2105	1/6/2022	48	4.44:1	926,400	27.45%	3,250	670	-22.09%	1,080	0.62	109,242	120,000	94,800
Tổng				8,114,600	30.89%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 19/11/2021, các chứng quyền điều chỉnh khi theo nhịp giảm điểm của thị trường.

• CHPG2111 và CHPG2110 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 25.00% và 17.65%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 3.27%. CFPT2105 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.21% thị trường.

• CMWG2108, CMSN2107, CFPT2109, và CMWG2109 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2106, CVRE2111, CPNJ2107, CHDB2102 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2109, CMWG2109, CMWG2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	139.0	0.0%	0.9	4,308	8.3	6,130	22.7	5.3	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	102.3	-3.7%	1.0	1,011	4.1	4,214	24.3	4.2	48.3%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	61.1	-4.8%	1.4	1,972	9.6	2,473	24.7	2.1	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	47.6	-4.2%	0.5	485	1.8	4,211	11.3	1.5	56.3%	13.7%
VIC	Bất động sản	94.8	0.3%	0.7	15,684	8.4	1,248	76.0	3.6	13.6%	5.1%
VRE	Bất động sản	30.5	-1.9%	1.1	3,013	13.9	954	32.0	2.3	29.3%	7.4%
VHM	Bất động sản	80.5	-2.8%	1.0	15,240	26.7	8,287	9.7	4.0	23.0%	40.3%
DXG	Bất động sản	26.6	-2.7%	1.3	688	17.3	1,299		1.9	29.0%	10.3%
SSI	Chứng khoán	48.5	-1.1%	1.5	2,071	66.6	2,172	22.3	3.5	40.3%	19.4%
VCI	Chứng khoán	74.0	-3.3%	1.0	1,071	22.4	4,165	17.8	3.9	20.5%	26.7%
HCM	Chứng khoán	46.6	-3.1%	1.6	927	13.4	2,651	17.6	3.6	46.9%	22.1%
FPT	Công nghệ	95.3	-1.2%	0.9	3,760	10.4	4,443	21.4	5.1	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	78.3	-1.0%	0.4	1,118	0.1	4,304	18.2	5.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	106.0	-6.9%	1.3	8,821	13.8	4,283	24.7	4.1	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	59.4	-2.6%	1.5	3,281	13.0	2,650	22.4	3.1	17.2%	14.2%
PVS	Dầu khí	26.5	-5.4%	1.7	551	21.6	1,186	22.3	1.0	7.6%	4.6%
BSR	Dầu khí	21.7	-6.1%	0.8	2,925	31.0	(909)		2.2	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.8	-1.2%	0.4	567	0.1	6,020	16.6	3.6	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	46.0	-5.3%	0.8	783	20.1	4,018	11.4	2.0	9.5%	18.6%
DCM	Hóa chất	35.9	-1.6%	0.7	826	17.4	1,701	21.1	2.9	4.7%	13.7%
VCB	Ngân hàng	97.1	0.1%	1.1	15,658	1.8	5,697	17.0	3.3	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	44.4	-0.2%	1.3	7,764	7.9	2,449	18.1	2.2	16.6%	12.2%
CTG	Ngân hàng	32.8	2.0%	1.4	6,853	31.0	3,449	9.5	1.7	24.8%	18.6%
VPB	Ngân hàng	36.2	2.3%	1.2	6,997	30.7	2,781	13.0	2.6	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.3	0.0%	1.2	4,649	22.7	2,940	9.6	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.5	2.9%	1.0	3,930	14.2	3,599	9.3	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	59.4	-0.3%	0.7	211	0.2	2,574	23.1	2.1	84.3%	9.1%
NTP	Nhựa	62.0	-2.4%	0.5	318	2.0	3,574	17.3	2.6	18.6%	15.4%
MSR	Tài nguyên	28.1	-5.7%	0.7	1,343	1.8	39	720.5	2.2	10.1%	0.3%
HPG	Thép	48.0	-3.9%	1.1	9,335	102.9	7,087	6.8	2.6	24.9%	45.6%
HSG	Thép	37.5	-6.0%	1.4	805	24.7	8,806	4.3	1.7	10.1%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	86.1	-2.2%	0.6	7,824	19.5	4,511	19.1	5.8	54.6%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	167.1	-0.7%	0.8	4,659	0.3	5,883	28.4	5.0	62.8%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	147.4	-0.4%	0.9	7,566	8.4	2,031	72.6	8.1	32.3%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	25.9	-2.3%	1.2	707	15.0	1,066	24.2	2.0	7.7%	8.3%
ACV	Vận tải	86.5	-0.6%	0.8	8,187	0.3	577	149.9	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	127.8	1.0%	1.1	3,009	5.3	279		4.1	16.8%	0.9%
HVN	Vận tải	23.5	-6.9%	1.7	2,258	18.2	(7,153)	N/A	N/A	5.8%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.7	-6.8%	1.0	651	17.7	1,443	34.4	2.5	40.2%	7.4%
PVT	Vận tải	24.5	-2.0%	1.4	345	10.8	2,443	10.0	1.6	13.7%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	119.0	-3.0%	0.9	828	1.1	10,231	11.6	4.0	3.6%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	51.9	-0.4%	0.5	1,012	4.9	2,122	24.5	3.5	4.0%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	25.2	-4.9%	0.9	418	5.7	1,212	20.8	1.7	3.3%	8.2%
CTD	Xây dựng	72.0	-4.0%	1.0	231	3.5	727	99.0	0.6	45.1%	0.7%
CII	Xây dựng	29.6	-5.0%	0.7	307	14.6	12	2495.5	1.5	20.4%	0.1%
REE	Điện	67.1	-4.1%	-1.4	902	3.2	5,541	12.1	1.7	49.0%	14.7%
PC1	Điện	36.5	-3.7%	-0.4	364	3.5	2,804	13.0	1.9	6.2%	16.5%
POW	Điện	14.0	-4.8%	0.6	1,420	19.9	1,240	11.3	1.1	3.0%	10.0%
NT2	Điện	22.6	-5.6%	0.5	283	2.3	2,063	11.0	1.6	14.7%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	50.0	-6.5%	1.2	1,239	36.3	1,706	29.3	1.8	15.4%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	57.0	-4%	1.0	2,565	1.6			3.9	1.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HDB	30.20	6.90	1.01	20.85MLN
VPB	36.20	2.26	0.92	19.58MLN
CTG	32.80	2.02	0.81	21.68MLN
TCB	52.30	1.55	0.73	29.91MLN
ACB	33.45	2.92	0.67	9.79MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	-0.01	-3.87	2.91MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-2.60	7.52MLN	607060
HPG	0.00	-2.26	48.47MLN	373600
GVR	-0.01	-2.23	6.32MLN	192700
VNM	0.00	-1.03	5.15MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	21.40	7.00	0.01	3500.00
TNI	9.95	6.99	0.01	6.87MLN
SJF	18.40	6.98	0.03	7.56MLN
TCR	7.82	6.98	0.00	340600
MCG	9.23	6.95	0.01	2.43MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFC	29.00	-9.38	-0.01	800
LGL	11.30	-7.00	-0.01	1.61MLN
DRC	35.25	-6.99	-0.08	3.99MLN
IJC	31.30	-6.98	-0.13	15.18MLN
CCL	18.00	-6.98	-0.02	1.76MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	88.00	6.15	2.01	4.06MLN
BAB	23.40	4.46	1.19	257900.00
IPA	68.60	9.94	0.78	1.81MLN
CEO	31.50	9.38	0.73	13.20MLN
NVB	29.40	1.03	0.22	437400

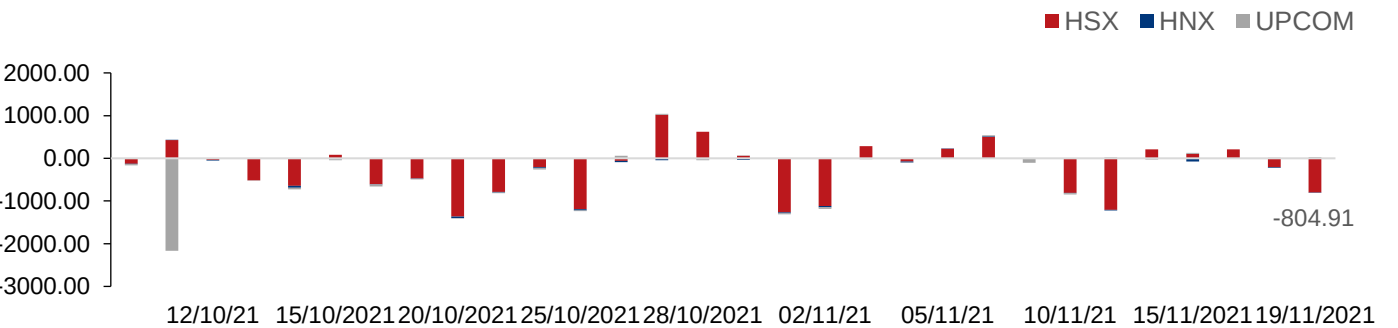
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	238.00	-9.37	-11.33	625500
SHS	49.50	-3.88	-1.08	18.51MLN
PVS	26.50	-5.36	-0.63	18.32MLN
IDJ	69.80	-6.93	-0.50	1.86MLN
L14	267.00	-4.98	-0.46	95600

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IPA	68.60	9.9	0.78	1.81MLN
DVG	22.40	9.8	0.00	237500
QHD	44.80	9.8	0.03	500
SEB	48.20	9.8	0.04	10100
BLF	4.50	9.8	0.00	293300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ICG	15.90	-11.17	-0.03	92000
VNT	70.00	-9.91	-0.02	1400
PCG	11.90	-9.85	-0.01	376400
V12	19.50	-9.72	-0.01	8700
DTC	15.90	-9.66	-0.01	143500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	34.0	1,267	26.8	1.8	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	21.7	-909	#N/A N/A	2.2	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	15/12/20	10.2	12.9	20.6	566	36.4	2.0	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	31.5	-511	#N/A N/A	2.9	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	50.0	3,855	13.0	2.1	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	65.0	8,518	7.6	1.6	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	35.9	1,701	21.1	2.9	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	169.3	7,258	23.3	5.9	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	136.0	4,942	27.5	8.3	Click
11	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	94.8	5,988	15.8	4.8	Click
12	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	46.0	4,018	11.4	2.0	Click
13	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	35.3	2,633	13.4	2.4	Click
14	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	26.6	1,299	20.4	1.9	Click
15	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	23.9	839	28.4	1.4	Click
16	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	95.3	4,443	21.4	5.1	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	106.0	4,283	24.7	4.1	Click
18	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	48.0	7,087	6.8	2.6	Click
19	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	37.5	8,806	4.3	1.7	Click
20	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	15.3	-1,113	#N/A N/A	1.4	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	21.2	1,251	16.9	1.5	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	45.9	1,856	24.7	3.0	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.3	6,706	7.7	1.8	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	39.5	3,858	10.2	1.1	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	96.1	8,024	12.0	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	10/9/21	118.9	140.4	139.0	6,130	22.7	5.3	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	42.0	9,467	4.4	1.7	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	5/8/21	43.8	46.4	62.1	4,788	13.0	2.4	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.6	2,063	11.0	1.6	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	36.5	2,804	13.0	1.9	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	32.0	2,201	14.5	1.7	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/3/21	84.7	100.4	102.3	4,214	24.3	4.2	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	14.0	1,240	11.3	1.1	Click
34	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	28.5	0	317.2	0.9	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	67.1	5,541	12.1	1.7	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	25.9	1066.2	24.2	2.0	Click
37	SCS	Hàng không	Theo dõi	4/1/21	128.5	155.0	144.0	10,526	13.7	7.0	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	36.9	1,064	34.7	3.8	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	42.0	16,115	2.6	1.1	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.1	570	45.8	2.1	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	60.5	4,475	13.5	1.9	Click
42	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	86.1	4,511	19.1	5.8	Click
43	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	36.2	2,781	13.0	2.6	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.5	954	32.0	2.3	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.0	3306.9	13.3	2.1	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	29.5	1,559	18.9	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	78.8	3,256	24.2	6.8	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
3	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
4	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
6	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
9	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
10	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
12	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
15	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
19	Banking Sector Outlook		x	Click
20	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
22	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
23	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
24	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
25	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
27	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
28	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
29	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
30	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
32	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
33	Fishery Outlook 2021		x	Click
34	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
35	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
36	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
37	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
38	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
39	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
40	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639